

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM  
BẮC GIANG

Số: M89/QĐ-DHNLBG-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Mục tiêu và chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Trung Quốc**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi các Khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1702/QĐ-DHNLBG ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Văn bản số 3281/BGDĐT-GDĐH ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015;



Căn cứ Công văn 2196/BGDDT-GDĐH, ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Mục tiêu và chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Trung Quốc bậc đại học theo hệ thống tín chỉ (có văn bản chi tiết kèm theo).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho đào tạo sinh viên đại học chính quy từ khóa 10.

Các mục tiêu và chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định này là cơ sở để nhà trường tổ chức đào tạo, xây dựng và điều chỉnh các chương trình đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo; là cam kết về chất lượng đào tạo của nhà trường đối với xã hội.

**Điều 3:** Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị công tác có liên quan và các sinh viên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Nguyễn*

**Nơi nhận:**

- Vụ GDĐH, Cục KT&KĐCLGD (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT, KTHI, ĐT.



Nguyễn Quang Hà

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM  
BẮC GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-DHNLBG-ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

**1. Mục tiêu đào tạo**

Mã hóa mục tiêu (PGx)	Mô tả nội dung
PG1	Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc có kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành và trình độ tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
PG2	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có khả năng thích ứng với công việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc.
PG3	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc.

**2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CDR)**

Mã số CDR	Thứ tự	Nội dung chuẩn đầu ra
	1.	<b>Chuẩn về kiến thức</b>
	1.1.	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>
CDR1	1.1.1	Áp dụng những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.
CDR2	1.1.2	Áp dụng được những kiến thức cơ bản khoa học xã hội vào công tác chuyên môn.
CDR3	1.1.3	Sử dụng ngoại ngữ 2 (tiếng Anh) tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành kèm theo

<b>Mã số CDR</b>	<b>Thứ tự</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>
		Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc có các chứng chỉ với giá trị quy đổi tương đương.
CDR4	1.1.4	Sử dụng được máy tính, công nghệ thông tin, tin học văn phòng, Internet cơ bản để phục vụ học tập, nghiên cứu và thi đạt chứng chỉ ứng dụng Công Nghệ Thông Tin cơ bản (theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.
CDR5	1.1.5	Xác định và phân biệt được bản chất và chức năng, nguồn gốc, sự phát triển, các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ; thực hiện quá trình nghiên cứu về ngôn ngữ và các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ.
	<b>1.2.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>
CDR6	1.2.1	Mô tả và giải thích được những hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc; phân tích ngữ âm; tự sửa âm cho bản thân và cho người khác.
CDR7	1.2.2	Điển giải được những kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc, phân tích ngữ nghĩa để có thể áp dụng vào các văn bản cần biên phiên dịch cho chuẩn xác.
CDR8	1.2.3	Hệ thống lại được các vấn đề cơ bản của ngữ pháp tiếng Trung Quốc, phân tích các thành phần câu trong câu đơn và câu phức để nâng cao kỹ năng biểu đạt, vận dụng vào việc biên phiên dịch.
CDR9	1.2.4	Có kiến thức cơ bản và hệ thống về đất nước, con người, văn hóa Trung Quốc để giao tiếp thành công trong môi trường liên văn hóa.
	<b>1.3.</b>	<b>Kiến thức ngành</b>
CDR10	1.3.1	Giao tiếp thương mại bằng tiếng Trung Quốc và ứng xử chuẩn mực trong các hoạt động chuyên môn và giao lưu nói chung.
CDR11	1.3.2	Giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc và ứng xử chuẩn mực trong các hoạt động dịch vụ kinh doanh khách sạn nhà hàng và hướng dẫn viên du lịch.
	<b>2.</b>	<b>Chuẩn về kỹ năng</b>

<b>Mã số CDR</b>	<b>Thứ tự</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>
	<b>2.1.</b>	<b>Kỹ năng nghề nghiệp</b>
CDR12	2.1.1	Phân tích và nghiên cứu được hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ, giao tiếp được bằng tiếng Trung Quốc với trình độ tối thiểu tương đương bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
CDR13	2.1.2	Xử lý tốt tình huống trong quản lý khách sạn nhà hàng; ứng phó và giải quyết các tình huống phát sinh của một lễ tân, một hướng dẫn viên du lịch, một nhân viên văn phòng hay một người phiên dịch trong quá trình đàm phán.
	<b>2.2.</b>	<b>Kỹ năng cá nhân</b>
CDR14	2.2.1	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc; có kỹ năng tin học và ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.
	<b>3.</b>	<b>Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp</b>
	<b>3.1</b>	<b>Năng lực tự chủ</b>
CDR15	3.1.1	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và có khả năng tự quyết định, tự chịu trách nhiệm.
	<b>3.2</b>	<b>Trách nhiệm nghề nghiệp</b>
CDR16	3.2.1	Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần hợp tác, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

